TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 139**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/11/2018
V/v tranh chấp:“ *Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Võ Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 470/2018/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: phường K, thành phố X, tỉnh G (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1978

Hộ khẩu thường trú: phường K, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn V quen biết qua sự mai mối và tự nguyện kết hôn vào năm 2001, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh G cấp ngày 04/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, anh V thường xuyên rượu chè say xỉn, mỗi lần anh V uống rượu vào thường hay vô cớ kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập vợ con. Nhiều lần chị đã khuyên can, chị đã cố chịu đựng để hàn gắn nhưng sự việc ngày càng nghiêm

trọng, chị và anh V đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay, chị yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V.

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 21/3/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 08/5/2004, hiện nay đang do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 21/9/2018 với nội dung yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị vì phải đi làm ăn xa ở tỉnh P, điều kiện đi lại khó khăn.

- Phần trình bày của bị đơn anh Lê Văn V: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Lê Văn V, về quan hệ con chung ổn định cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 21/3/2001 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 08/5/2004 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa vào ngày 21/9/2018, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị T là phù hợp theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Anh Lê Văn V mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Lê Văn V vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án

được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn V đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 21/9/2018, chị Nguyễn Thị T có ý kiến trình bày vào năm 2011, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn V tự quen biết và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 327, quyển số 02, cấp ngày 04/11/2002. Theo chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V thường xuyên rượu chè say xỉn, mỗi lần anh V uống rượu vào thường hay vô cớ kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập vợ con. Nhiều lần chị đã khuyên can, chị đã cố chịu đựng để hàn gắn nhưng sự việc ngày càng nghiêm trọng, chị và anh V đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh V được tống đạt các văn bản nhưng anh V không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị T không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh V, còn anh V không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa chị Trinh với anh V không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2016 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn V.

[4] *Về con chung:* Nguyên đơn chị T trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị T và anh Lê Văn V chung sống với nhau có 02 con chung tên Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 21/3/2001 và Lê Văn T, sinh ngày 08/5/2004, hiện nay đang do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Ng và cháu T chưa thành niên và đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của cháu Ng và cháu T không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn và phù hợp với nguyện vọng mong muốn sống cùng mẹ của cháu Ng và cháu T nên chị T yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là chính đáng và có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp thuận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh V không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên chị T xác định không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị T trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 232; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Văn V

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Lê Văn V.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 21/3/2001 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 08/5/2004 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành.

2.2. Anh Lê Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

2.3. Chị Nguyễn Thị T phải tạo điều kiện cho anh V trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008481 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 20/6/2018. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh V không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy